TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 151/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 248/2026/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ E, phường T, tỉnh Gia Lai.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ E, phường T, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo ngày 06 tháng 02 năm 2013.

Ông V và bà M đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông bà không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2013 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Cháu Nguyễn Đức T có nguyện vọng chung sống với bà Nguyễn Thị M

Trên cơ sở nguyện vọng của con và sự thỏa thuận, ông bà thống nhất giao 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đức T và cháu Nguyễn Mai A cho bà Nguyễn Thị M chăm sóc,

nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 5 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn

Về con chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2013 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Ông V và bà M thống nhất giao 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2013 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2019 cho bà Nguyễn Thị M trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình ***300.000 (ba trăm nghìn) đồng*** ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí ông V và bà M đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004202 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 23 ngày 06/02/2013 của UBND phường Yên Thế, thành phố Pleiku cũ)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thanh Thúy